

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Ngọc Thành
- Bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quảng Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Phan Lộc Nhung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2024/TLST- HNGĐ ngày 01/7/2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/7/2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/8/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Cụm 4, thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đội 2, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng A - Phòng Giao dịch D, Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q; địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Q;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn Q - Giám đốc Phòng giao dịch Phòng Giao dịch D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 04/3/2024, bản tự khai ngày 09/4/2024 cũng như đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài N trình bày: Chị và anh Phan Văn N trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Q vào ngày

23/3/2023. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hợp tính tình nên vợ chồng không được hòa thuận, mặc dù hai bên đã tạo cơ hội cho nhau để sửa chữa nhằm cải thiện cuộc sống nhưng không có kết quả. Hiện tại chị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và một mực yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Phan Văn N qua bản trình bày ý kiến ngày 06/3/2024, Anh trình bày: Hiện tại tình cảm giữa anh và chị N vẫn còn có thể khắc phục được nên anh không đồng ý ly hôn, anh không muốn gia đình đổ vỡ, ảnh hưởng đến tương lai của con.

Con chung: Chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N thừa nhận vợ chồng có con chung là Phan Văn Bảo D, sinh ngày 15/01/2024, hiện tại con đang còn nhỏ do chị N chăm sóc nuôi dưỡng;

Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Anh N mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ cùng nhau có trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc con chung, nên không yêu cầu giải quyết vấn đề về con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N khai nhận vợ chồng có gửi tiền tiết kiệm tại Phòng Giao dịch D Ngân hàng Ag Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q với số tiền là 110.000.000 đồng người đứng tên giao dịch là anh Phan Văn N;

Nếu ly hôn, chị Nguyễn Thị Hoài N yêu cầu chia đôi số tiền 110.000.000 đồng gửi tại Phòng Giao dịch D Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q; Bị đơn anh Phan Văn N có nguyện vọng giao lại số tiền tiết kiệm trên cho con khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A - Phòng Giao dịch D - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt nhưng qua xác nhận số dư tài khoản của Ngân hàng A - Phòng Giao dịch D - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q ngày 15/4/2024 xác nhận tên khách hàng Phan Văn N, địa chỉ C, M 0374208297 đang có tiền gửi tại A 110.000.000 đồng, số tài khoản 380 3604 598 825.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn; căn cứ các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao con Phan Văn Bảo D, sinh ngày 15/01/2024 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con buộc anh N phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, căn cứ khoản 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 213 của Bộ luật dân sự; Chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N mỗi người được hưởng 55.000.000 đồng tiền gửi tại Ngân hàng A - Phòng Giao dịch D - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q tên khách hàng đứng ra giao dịch Phan Văn N, địa

chỉ C, M 0374208297 số tài khoản 380 3604 598 825 và tiền lãi phát sinh; về án phí, quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài N, bị đơn anh Phan Văn N có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Hoài N yêu cầu giải quyết ly hôn anh Phan Văn N có địa chỉ tại thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Q và giải quyết việc nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2023 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Q là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên vợ chồng không được hòa thuận, mặc dù hai bên đã tạo cơ hội cho nhau để sửa chữa nhằm cải thiện cuộc sống nhưng không có kết quả nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; anh N không đồng ý ly hôn vì anh không muốn gia đình đổ vỡ ảnh hưởng đến tương lai của con. Anh Phan Văn N mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kể cả giấy triệu tập phiên tòa được tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt. Qua đó, chứng tỏ anh N không muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ. Chị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh Ngọc.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N thừa nhận vợ chồng có con chung Phan Văn Bảo D, sinh ngày 15/01/2024; ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh N không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, nhưng hiện nay con đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ; Hội đồng xét xử cần xử giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị N, mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 10/2024 đến khi con trưởng thành (đủ

18 tuổi) là phù hợp với các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N có gửi tiền tiết kiệm tại Phòng Giao dịch D Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q với số tiền 110.000.000 đồng người đứng tên giao dịch anh Phan Văn N là tài sản chung của vợ chồng, chị N yêu cầu giải quyết phân chia, anh N có nguyện vọng giao lại cho con khi con đủ 18 tuổi, xét nguyện vọng của các bên không trái quy định của pháp luật nhưng số tiền 110.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng, chị N yêu cầu giải quyết phân chia là để đảm bảo quyền và lợi ích các bên khi ly hôn là có cơ sở; vì vậy Hội đồng xét xử giao chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N mỗi người được hưởng 55.000.000 đồng tiền gửi tại Ngân hàng A - Phòng Giao dịch D - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q tên khách hàng đứng ra giao dịch Phan Văn N, địa chỉ C, M 0374208297 số tài khoản 380 3604 598 825 và tiền lãi phát sinh là phù hợp khoản 2, 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 213 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56; các điều 81, 82, 83 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 213 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử chị Nguyễn Thị Hoài N ly hôn anh Phan Văn N.

2. Về con chung: Giao Phan Văn Bảo D, sinh ngày 15/01/2024 cho chị Nguyễn Thị Hoài N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nhi, mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Giao giao chị Nguyễn Thị Hoài N và anh Phan Văn N mỗi người được hưởng 55.000.000 đồng trong số tiền 110.000.000 đồng tiền gửi tại Ngân hàng A - Phòng Giao dịch D - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Q tên khách hàng đứng ra giao dịch Phan Văn N, địa chỉ C, M 0374208297 số tài khoản 380 3604 598 825 và tiền lãi phát sinh.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.750.000 đồng án phí dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.050.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004309 ngày 05/3/2024 và biên lai số 0004354 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Anh Phan Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 2.750.000 đồng án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Mai Thủy;
- Lưu: HS; lưu VP.

Nguyễn Văn Châu

